

BỨC TRANH LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG ĐẢNG CHÍNH TRỊ HIỆN ĐẠI Ở CỘNG HOÀ LIÊN BANG ĐỨC

TSKH. Lương Văn Kế

Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Khuôn khổ luật pháp của các đảng chính trị

Hệ thống đảng chính trị là một bộ phận cấu thành thiết yếu hợp pháp của trật tự tự do và dân chủ ở các nước dân chủ hiện đại. Chúng ta cần tìm hiểu những nét cơ bản về lịch sử *hệ thống đảng chính trị hiện đại ở CHLB Đức*, cường quốc số một ở châu Âu và đứng thứ ba trên thế giới, bởi vì hệ thống đảng phái của nước này thể hiện một cách điển hình tính đa nguyên chính trị và mối tương quan giữa các đảng chính trị ở châu Âu hiện đại. Giữa các đảng tuy có khác biệt nhau về quyền lợi và hệ tư tưởng, nhưng lại có thể chung sống hoà bình, đối thoại với nhau và khi cần cũng có thể liên minh với nhau, vì lợi ích chung của nhân dân và sự phát triển của đất nước.¹ Thông qua đó, người ta có thể học hỏi được nhiều kinh

nghiệm quý báu trong quá trình dân chủ hoá và cải cách hệ thống chính trị ở các nước đang chuyển đổi.

Mọi mục tiêu của đảng chính trị đều được thể hiện trong cương lĩnh chính trị và trong thực tiễn hoạt động của mình. Thông qua tác động một cách tự do và lâu dài bằng những phương tiện khác nhau vào việc giáo dục ý thức chính trị của nhân dân, các đảng thực hiện những nhiệm vụ công cộng được hiến pháp trao cho và bảo đảm. Ở CHLB Đức, việc thành lập và hoạt động của các đảng chính trị phải tuân thủ *Luật cơ bản* (Hiến pháp) và đạo *Luật về đảng chính trị*, không cho phép bất kỳ đảng phái nào đứng trên hay đứng ngoài pháp luật. Thời điểm năm 1945 sau Chiến tranh thế giới Thứ hai (CTTG II) chính là thời điểm khai sinh các đảng chính trị hiện đại ở nước Đức. Nhưng phải vài thập niên sau, vào năm 1966, mới đặt ra một vấn đề lý thuyết, rằng các đảng chính trị hợp pháp liệu có thể trở thành

¹ Sự kiện gần đây nhất là một đại liên minh giữa hai khối đảng lớn nhất của cánh hữu (Liên minh Dân chủ Thiên chúa giáo CDU/Liên minh Xã hội Thiên chúa giáo CSU) và cánh tả (Đảng Xã hội Dân chủ Đức SPD) đã được thiết lập để lập ra một Chính phủ Liên bang dưới sự lãnh đạo của nữ Thủ tướng đầu tiên trong lịch sử Đức và là Thủ tướng đầu tiên xuất thân từ Đông Đức - bà TS. Angela Merkel (CDU). Quốc hội

Đức khoá 16 đã bầu vị Thủ tướng thứ 8 này và bà đã tuyên thệ nhậm chức cùng ngày 22. 11. 2005.

những thể chế quốc gia chuẩn mực hay thông, vì khi đó Toà án Hiến pháp Liên bang phải ra phán quyết về việc cấp kinh phí nhà nước cho họ với tư cách các thể chế quốc gia. Rút kinh nghiệm từ những bài học trong lịch sử, nước Đức sau CTTG II đã luật hoá trách nhiệm của các đảng phái chính trị đối với chế độ dân chủ, đối với nhân dân và đối với quốc gia. Quốc hội Liên bang Đức đã từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, trong đó có đạo Luật về đảng chính trị,² thiết lập một hệ thống công cụ luật pháp nhằm 2 mục đích cơ bản là: (1) Kiểm chế khả năng độc quyền của một đảng nào đó; (2) Loại bỏ tình trạng nhiễu loạn, phân tán do chế độ đa đảng gây ra bởi sự bung ra thái quá về số lượng và hình thức cũng như các khía cạnh khác của hệ thống đảng chính trị.

Trên cơ sở hiến pháp dân chủ đại nghị và đa nguyên chính trị, một hệ thống đảng phái với hàng chục đảng lớn bé khác nhau đã lần lượt ra đời. Các đảng chính trị đó tham gia vào đời sống chính trị xã hội bằng cách thực hiện 8 chức năng quan trọng, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là góp phần cấu thành ý thức chính trị của nhân dân.³ Tuy hiệu quả tác động vào xã hội rất khác nhau, thậm chí có những tác động tiêu cực (ví dụ các đảng cực hữu như DWU, NPD, REP v.v...), nhưng tựu chung họ đã góp phần nâng cao nhận thức chính trị của nhân dân và thúc đẩy nhân dân tích cực tham gia vào đời sống chính trị đất

nước. Nhờ vậy, tỉ lệ cử tri đi bỏ phiếu bầu Quốc hội bao giờ cũng rất cao, đặc biệt so với tỉ lệ khoảng 40% cử tri đi bầu cử ở Mỹ (xem bảng 3).

Có thể nói, sự ổn định và phát triển của CHLB Đức dựa chủ yếu trên cơ sở sự ổn định của hệ thống đảng chính trị hiện đại phù hợp với một nền dân chủ đại nghị và đối thoại. Tuy nước Đức là quê hương của các đảng chính trị đầu tiên trên thế giới, nhưng hệ thống đảng chính trị này sinh ra ở “một giờ xấu”. Dưới ách thống trị bảo hoàng và quân phiệt, tất cả các đảng chính trị đều không được chuẩn bị để trở thành những đảng cầm quyền. Các đảng chính trị cho đến trước nền Cộng hoà Weimar (năm 1919) chỉ tồn tại như những tổ chức tập hợp lực lượng theo thế giới quan và lợi ích của các giai cấp hay nhóm người trong xã hội. Lần đầu tiên một chế độ dân chủ đại nghị đa đảng đã được hiện thực hoá trong thời kỳ của nền Cộng hoà Weimar (1919-1933).

Nhưng sự thất bại của nền Cộng hoà Weimar theo chế độ đa đảng quá đa dạng về hệ tư tưởng và theo chế độ dân chủ tổng thống (tổng thống có quyền lực cao nhất)⁴ cũng như hậu quả khủng khiếp của sự lạm dụng vai trò độc đảng của chủ nghĩa phát xít sau đó đã chứng tỏ rằng, chế độ dân chủ nghị viện của CHLB Đức sẽ không thể tồn tại được nếu thiếu các đảng chính trị dân chủ lành mạnh, trong đó phải kể đến trước hết là

² Đạo luật này cũng là khuôn mẫu cho một số nước ở châu Âu như Bồ Đào Nha và Hy Lạp.

³ Xem: Grundgesetz (Luật cơ bản), Bản in đặc biệt: München, 1996, phần Luật về đảng chính trị, tr. 139-140.

⁴ Với cương vị Tổng thống có quyền tối cao, Thống tướng phản động Edenburg đã bổ nhiệm A. Hitler - thủ lĩnh Đảng Quốc xã thiếu số trong Quốc hội - làm Thủ tướng (31. 1. 1933) và trao cho y toàn quyền hành động.

các đảng lớn có khả năng giành quyền lập chính phủ. Thế nhưng trong mọi quốc gia theo chế độ liên bang (phân quyền), ngoài chức năng đại diện cho các nhóm lợi ích ra, hệ thống đảng chính trị cũng là *công cụ quan trọng để tập trung quyền lực, tập trung ý chí của quần chúng lại*. Vậy là tính dân chủ của nền dân chủ nghị viện trong hệ thống đảng chính trị phải thể hiện đồng thời hai phương diện:

- *Trên phương diện pháp luật*: các đảng chính trị được qui định rõ về chức năng và phạm vi hoạt động sao cho tập hợp được quần chúng vào những mục đích chính trị tốt đẹp, không làm tổn hại đến chế độ, đến lợi ích của công dân mà Hiến pháp đã qui định,

- *Trên phương diện nội bộ từng đảng*: Đảng phải tuân thủ hiến pháp và các điều luật liên quan đến đảng phái trong từng điểm của điều lệ nội bộ và tư cách đảng viên của đảng, thực hiện dân chủ hoá trong đảng.

2. Hoàn cảnh lịch sử ra đời các đảng chính trị hiện đại

Khác với nhiều nước khác ở châu Âu và trên thế giới, hệ thống đảng chính trị hiện đại ở Đức chủ yếu được thành lập vào một vài năm đầu sau khi kết thúc CTTG II dưới sự giám sát của chính quyền quân quản các nước Đồng minh thắng trận. Nó khác biệt rõ rệt với hệ thống đảng phái dưới thời nền Cộng hoà Weimar (1919-1933). Thế nhưng hệ thống này vẫn tiếp nối lịch sử lâu đời của hệ thống đảng chính trị của Đức. Toàn bộ các đảng cánh tả, từ đảng cộng sản cho đến đảng xã hội dân chủ của giai cấp công nhân đều kế

thừa rõ rệt truyền thống của mình. Đảng Tự do Dân chủ (FDP) lại gắn bó với khuynh hướng dân tộc, tự do tả khuynh độc lập. Trong khi đó Liên minh Dân chủ Thiên chúa giáo (CDU) và Liên minh Xã hội Thiên chúa giáo (CSU) lại tập hợp các lực lượng cũ của phái "Trung tâm" Cơ đốc giáo tiền thân, nhưng lại gắn bó mật thiết với phong trào công nhân Cơ đốc giáo, và cũng đào tạo ra một chi phái các nhà doanh nghiệp theo kiểu riêng của mình. Đồng thời, như tên gọi của các đảng này đã cho thấy, với tư cách các đảng theo giáo lý Cơ đốc, các đảng liên minh này cũng tiếp nhận cả những trào lưu bảo thủ Tin lành và tự do. Hệ thống đảng phái ở CHLB Đức từ đó đến nay phản ánh bức tranh xung đột cả trên phương diện tư tưởng lẫn phương diện lợi ích giữa các nhóm xã hội khác nhau, mặc dù mức độ xung đột đã có xu hướng giảm đi. Mối xung đột trước hết và chủ yếu nhất là sự xung đột về *xã hội - kinh tế* (giữa SPD và Liên minh CDU/CSU), xung đột về *đạo đức* giữa một bên mang định hướng thiết chế tôn giáo và bên kia là tự do và giá trị cá nhân (giữa SPD/FDP và CDU/CSU). Thêm vào đó còn có mâu thuẫn giữa các phe phái địa phương (liên bang chủ nghĩa, ví dụ đảng của bang Bayern, Đảng nước Đức) và bên kia là tổ chức đại diện cho lợi ích của những người bị lưu đày và tị nạn (Đảng Liên hiệp những Người ly hương và bị tước quyền, BHE). Tất cả những điều đó đã dẫn đến sự hình thành một hệ thống đa dạng các đảng phái ở Đức. Nhìn vào cơ cấu của Quốc hội Liên bang qua các thời kỳ ta cũng có thể thấy rõ điều đó: Nếu như năm 1949 có

Một đảng có chân trong Quốc hội, thì năm 2006 chỉ còn đại diện của 6 đảng là: SPD, CDU, CSU, FDP, Đảng Xanh/LM-90, PDS/Cánh tả Mới.

Thực tiễn hoạt động của bộ máy các đảng chính trị cho thấy, phần lớn các quyết định dự kiến về nhân sự và công tác tại các đại hội của các đảng bộ lớn và cả đại hội đại biểu toàn quốc đều do một uỷ ban hẹp và nhóm chủ chốt *phi chính thức* đưa ra.⁵ Đại hội của các đảng thường tiến hành đều kỳ, chậm nhất là 2 năm một lần. Trong đại hội đảng các đảng cầm quyền, các đảng viên đại biểu “ngoại hạng” như các chức sắc của bộ máy chính phủ (Thủ tướng, Bộ trưởng, Quốc vụ khanh), của Ban Thường vụ Trung ương đảng và các uỷ ban của đảng, lãnh đạo Quốc hội và các đoàn nghị sĩ cấp Liên bang và các bang có một sức chi phối mạnh mẽ. Riêng Đảng Xanh/ LM-90 - một đảng tham chính cùng với SPD từ 1998, cho đến nay vẫn không nhất trí được với nhau về chức uỷ viên thường vụ, ghế nghị sĩ, ghế chính phủ và về các qui tắc hạn chế thời gian nhiệm kỳ các cương vị nói trên, nhằm duy trì sự kiểm tra chéo lẫn nhau về tính dân chủ. Sự mềm dẻo về các nguyên tắc của đảng này gần đây đã cho phép họ lần đầu tiên nhận được một số ghế bộ trưởng trong chính phủ Liên bang từ năm 1998. Năm 2001, trong đại hội đảng tại Stuttgart, đảng này quyết nghị rằng phải tách ghế bộ trưởng trong chính phủ khỏi ghế nghị sĩ. Ban lãnh đạo mới được bầu của đảng gần

đây bao gồm cả các bộ trưởng lẫn các nghị sĩ.

Sức mạnh của các đảng chính trị phụ thuộc trước hết vào khả năng tập hợp quần chúng đi theo mình, do đó họ phải tích cực phát triển đảng viên trong nhân dân. Thập niên 70 của thế kỷ 20 là thời kỳ bùng nổ về số lượng đảng viên của các đảng, trong đó CDU đã phát triển mạnh mẽ hơn cả nhờ vào các biện pháp đổi mới tổ chức và hiện đại hoá đảng. Nhưng sự tăng trưởng quan trọng về số lượng đảng viên không phải bao giờ cũng đem đến sự năng động và sức mạnh tác động đối với xã hội cho nội bộ đảng.

Sau ngày tái thống nhất, sự tan rã của đảng SED (2,6 triệu) đã khiến cho số lượng cử tri Đông Đức là đảng viên của các đảng chính trị suy giảm nhiều. Hiện nay toàn Liên bang chỉ có chừng 3% cử tri là đảng viên của các đảng chính trị, tức là vào khoảng 1,8 triệu. Nhưng số đảng viên tích cực hoạt động chỉ khoảng 1/4 thậm chí 1/5 mà thôi.⁶

Từ năm 1953, trên cơ sở ngưỡng 5% kết quả bầu cử và thành công vĩ đại về kinh tế theo đường lối *Kinh tế thị trường xã hội* của chính phủ Adenauer, ở Đức đã diễn ra một quá trình tập trung hoá đảng chính trị; nghĩa là nếu đảng nào không giành được tối thiểu 5% phiếu trong bầu cử Quốc hội Liên bang, thì đảng đó sẽ không được phép có đại diện trong Quốc hội nữa. Điều này dẫn đến việc, suốt từ năm 1961 đến 1982 chỉ có 3 đoàn nghị sĩ của CDU/ CSU, SPD và FDP trong Quốc hội. Đảng Cộng sản Đức (KPD), Đảng

⁵ Walter, F.: *Die SPD nach der deutschen Vereinigung*, in: *Zs. Für Parlamentsfragen* 26, 1995, tr. 111.

⁶ Ismayr, W. (ed.): *Die politischen Systeme Westeuropas*, tr. 467.

Nước Đức (DP) cũng như nhiều đảng cực đoan khác đã bị loại khỏi Quốc hội từ sau năm 1957, và gần đây nhất là đảng PDS (2002), chính là vì áp dụng ngưỡng 5% này.⁷ Trong khi đó, nhiều đảng nhỏ mang tư tưởng tư sản hữu khuynh bảo thủ lại có thể đứng vững được nhờ sách lược tranh cử khôn ngoan của mình. Tình hình tương tự cũng diễn ra ở các cuộc bầu cử nghị viện các bang. Qui định quyền của đa số tuyệt đối (trên 50%) trong lập chính phủ trong hệ thống đa đảng không những tạo nên sự tập trung hoá đảng chính trị, mà còn khiến cho hình thành nên cơ chế “hai đảng ruồi”. Nghĩa là hiếm khi một trong hai đảng lớn giành đủ số ghế, mà đảng đó phải liên minh với một (hay vài) đảng nhỏ khác để đủ điều kiện lập chính phủ. Cơ chế đó khiến cho một đảng nào đó tuy nhỏ nhưng lại có vị trí chiến lược, quyết định khả năng cầm quyền của đảng lớn đó. Đảng Dân chủ tự do FDP là một trường hợp điển hình và đã trở thành truyền thống. Đảng này với quan điểm chiết trung, thực tiễn và linh hoạt đã liên tục tham dự vào các chính phủ Liên bang. Họ khi thì liên minh với CDU/CSU bằng tư tưởng quốc gia tự do của mình; khi thì liên minh với SPD bởi họ đã chuyển sang tư tưởng tự do tả khuynh, và nếu cần thì phá vỡ liên minh để đi với đối tác lớn khác đối lập (Từ năm 1998 đến nay FDP không liên minh với SPD nên không vào được chính phủ). Riêng đối với đảng SPD, tuy khởi đầu (năm 1949) không mấy tốt đẹp, nhưng kể từ

năm 1959 với *Cương lĩnh Godesberg* thừa nhận chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa kiểu Đức (dưới tên gọi *Kinh tế thị trường xã hội*), kết quả bầu cử của họ đã nâng lên trông thấy. Tuy nhiên họ phải mất nhiều năm đóng vai trò một đảng đối lập, không có đồng minh, vì FDP đi với phe hữu CDU/CSU. Phải đợi đến khi FDP thay đổi quan điểm vào những năm 1966-1969 sang phe tả (Cương lĩnh Freiburg 1971), thì SPD mới có thể liên minh với FDP.

Bước ngoặt cơ bản của hệ thống đảng chính trị ở CHLB Đức được đánh dấu bằng sự kiện Đảng Xanh được thành lập năm 1977 (tại Hamburg, với tên gọi *Grüne Liste Umweltschutz: Danh sách Xanh bảo vệ môi trường*), sau đó đã lớn mạnh và lần lượt chiếm lĩnh nhiều ghế trong các nghị viện bang, trở thành một đảng Liên bang, và cuối cùng vào được Quốc hội Liên bang năm 1983. Phe tả ở Đức đã có thêm một lực lượng đồng minh mới. Hệ thống đảng chính trị hiện đại Đức từ nay chia thành hai phe tả và hữu rõ rệt với sức mạnh tương đương nhau. Đảng Tự do Dân chủ không còn có thể “làm mình làm mẩy” như cũ được nữa. Điều này khiến cho cuộc cạnh tranh giữa các đảng trở nên hết sức quyết liệt. Sự hiện diện đầy trách nhiệm của Đảng Xanh phản ánh thắng lợi hợp hiến của phong trào sinh thái, hoà bình và vì nữ quyền. Vậy là cuộc xung đột giữa nền chính trị “cũ” và nền chính trị “mới” được thể hiện tập trung trong cuộc cạnh tranh giữa các đảng toàn dân với nhau.

Cuộc tái thống nhất nước Đức năm 1990 tạo cơ hội cho các đảng của Tây Đức phát triển sang Đông Đức - CHDC Đức cũ. Thế

⁷ Tuy nhiên, PDS vẫn có hai ghế nghị sĩ trong Quốc hội Liên bang nhờ thắng cử của 2 ứng cử viên trực tiếp, nhưng họ không có quyền đại diện phát ngôn với tư cách nhóm nghị sĩ PDS.

nhưng ở phần đất mới này, Đảng PDS - Đảng của Chủ nghĩa Xã hội Dân chủ (thành lập mới năm 1990) - vẫn chiếm một vị thế quan trọng nhờ vào quá khứ của đảng tiền thân là Đảng Xã hội Chủ nghĩa Thống nhất Đức SED - đảng đã nắm độc quyền lãnh đạo suốt 40 năm liên tục và có một mạng lưới tổ chức sâu rộng trong nhân dân. Mạng lưới tổ chức này không thể có ở các đảng khác. PDS đại diện cho lợi ích của những người xã hội chủ nghĩa bại trận và ham muốn đổi mới, của những người thất nghiệp, những người già. Họ được coi là đảng mạnh thứ hai hoặc thứ ba ở Đông Đức và thủ đô Berlin, có chân trong Quốc hội Liên bang. Các đảng CDU và FDP đã thu nạp các đảng bị chèn ép cũ ở Đông Đức và nhờ đó lớn mạnh thêm. Còn các Đảng Cảnh tả SPD và Đảng Xanh phải kết hợp với các đảng và phong trào mới sinh ra ở Đông Đức sau khi bức tường Berlin sụp đổ. Đảng SPD liên minh với SDP (Đảng Xã hội Dân chủ), còn Đảng Xanh kết hợp với Liên minh 90. Trên cơ sở đó SPD được mở rộng thêm và Đảng Xanh mang tên gọi mới *Liên minh 90/ Đảng Xanh*.

Cử tri ủng hộ các đảng nhỏ thường lợi dụng khả năng chia cắt phiếu bầu và bầu lần một cho ứng cử viên của đảng khác để biểu thị ý muốn liên minh của mình và cũng để không ủng hộ phiếu bầu. Bằng cách thức như vậy, các đảng nhỏ thường vượt qua được qui định 5% để lập đoàn nghị sĩ độc lập và được mời tham gia liên minh cầm quyền. Ví dụ tốt nhất ở đây là FDP.

Ở Đức, tỉ lệ cử tri đi bầu thường rất cao, từ 70-90%, trung bình là 80%. Tiêu chí lựa chọn của phụ nữ và nam giới về ứng cử viên đã tiến đến gần nhau. Sau khi sửa đổi Luật Bầu cử năm 1950, tỉ lệ phiếu bầu ngày càng tập trung hơn cho các đảng lớn là Liên minh Dân chủ Thiên chúa giáo/Liên minh Xã hội Thiên chúa giáo (CDU/ CSU), Đảng Xã hội Dân chủ Đức (SPD), từ 50,2% (1949), lên 81,5% (1961) và thậm chí 91,2% (năm 1976). Sau đó tỉ lệ tập trung này giảm dần. So sánh kết quả bầu cử giữa các đảng cầm quyền cho thấy, Liên minh cánh hữu CDU/ CSU nhiều lần chiếm đa số áp đảo hơn là SPD (2 lần, năm 1972 và 1998). Đảng Dân chủ tự do FDP (thường dao động khoảng từ 6 - 12%). Năm 1994 đảng này bị Đảng Xanh vượt qua.

3. Khía cạnh xã hội của các đảng chính trị

Trên khía cạnh xã hội, cơ cấu xã hội và các nhóm lợi ích ở Đức đã biến đổi mạnh mẽ từ năm 1949 đến nay, nhưng vẫn có những truyền thống trong bầu cử ít biến đổi. Các đảng lớn của CHLB Đức đều đã từ chỗ là đảng của một vài tầng lớp hay giai cấp nhất định đã biến chuyển thành những *đảng toàn dân (Volkspartei)*. Nghĩa là bất kỳ một công dân nào cũng có thể gia nhập vào một đảng chính trị nào đó, không phụ thuộc vào thành phần xuất thân, tài sản, thế hệ v.v... miễn là họ chấp nhận cương lĩnh của đảng đó. Do đó thành phần cử tri ủng hộ các đảng hầu như trải rộng như nhau và khá gần nhau.

Thế nhưng, tuy là đảng toàn dân, giữa các đảng vẫn có nhiều sự khác biệt. Sự khác

biệt giữa các đảng thể hiện rõ nét trong *cương lĩnh* cũng như trong *cơ cấu đảng viên* và cấu trúc thành phần *tinh hoa chính trị* của họ. Đảng SPD thường giành được đa số phiếu bầu của công nhân (21,2%) và người thất nghiệp (CDU chỉ có 9,1%), đặc biệt là các đoàn viên công đoàn; Những người hành nghề độc lập, nông dân và người về hưu lại thích bầu cho Liên minh cánh hữu: CDU có 21,8% đảng viên là giới doanh nghiệp, Đảng Cánh tả SPD chỉ có 4,8%.⁸ Đảng Tự do Dân chủ (FDP) thường được các thành phần doanh nghiệp lựa chọn. trong khi đó công chức, giáo chức, phụ nữ lại bầu cho Đảng Xanh.

Kể từ những năm 70, sự *khác biệt tín ngưỡng* có ảnh hưởng không lớn đến cách lựa chọn của cử tri, nhưng mối liên hệ với nhà thờ vẫn tác động không nhỏ đến sự lựa chọn đó, do đó các cử tri theo Cơ đốc giáo (cho dù là công nhân hay giáo chức) đều có xu thế bầu cho Liên minh CDU/CSU, tỉ lệ đó là thấp hơn ở những người phi Cơ đốc giáo. Một đặc điểm nữa là số *cử tri gốc* (Stammwähler), tức là nhóm xã hội chỉ bầu cho một đảng nào đó, của các đảng nay đã không còn chắc chắn nữa. Ví dụ trong kỳ bầu cử năm 1998, chỉ có 11% công nhân bầu cho SPD⁹, 15% cử tri đi Đạo bỏ phiếu cho Liên minh Thiên chúa giáo. Nguyên nhân của sự biến đổi này là do các chuẩn mực đạo đức và xã hội đã thay đổi, người dân được đào tạo và có tri thức rộng rãi hơn, năng động hơn và ý thức cá nhân cao

hơn. Họ không muốn ràng buộc suốt đời vào một đảng phái cụ thể nào. Như vậy họ tự do hơn trong lựa chọn người đại diện cho mình trong cơ quan quyền lực nhà nước.

4. Kết luận

Điểm lại lịch sử các đảng chính trị hiện đại từ sau năm 1945, chúng ta thấy, họ - đặc biệt là các đảng lớn và các đảng cầm quyền hoặc tham chính như CDU, SPD, FDP, PDS v.v... - đều có những điều chỉnh ở những mức độ khác nhau trong nội dung cương lĩnh chính trị và điều lệ của đảng mình nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược mà cao nhất là giành quyền lập chính phủ, tức trở thành đảng cầm quyền. *Đảng với tư cách đại diện cho lợi ích của một giai cấp hay một tầng lớp xã hội đã biến chuyển thành đảng của toàn dân. Chỉ có như vậy đảng mới có thể giành được đa số phiếu bầu của cử tri để giành quyền lập chính phủ.*

- Các đảng chính trị hiện đại nói chung cũng như các đảng cầm quyền nói riêng ở CHLB Đức tuy có dính líu chút ít đến quá khứ trước khi nền Cộng hoà Weimar sụp đổ (năm 1933), nhưng nhìn chung đều là những đảng mới sau khi kết thúc chiến tranh (năm 1945). Ngay từ đầu, các đảng chính trị Đức đều mang *tư tưởng hoà bình và tự do.*

- Các đảng chính trị được tập hợp thành hai nhóm lớn đối trọng nhau là Liên minh Cánh hữu (CDU/CSU) và Liên minh Cánh tả (SPD, Đảng Xanh/ Liên minh-90). Ngoài ra còn có một số đảng nhỏ trung dung (FDP) và cực đoan khác (NPD, KPD, PDS).

⁸ Ismayr, W. (ed.): *Die politischen Systeme Westeuropas*, tr. 466-467.

⁹ Các số liệu ở đây lấy từ: Isayer, W. (ed.): *Die politischen Systeme Westeuropas*, 2003, tr. 462-467.

- Quyền lập chính phủ tùy thuộc vào tỉ lệ phiếu bầu của cử tri trong các kỳ bầu cử Quốc hội Liên bang. Quyền lập chính phủ chỉ có thể rơi vào tay các đảng chính trị lớn hoặc liên minh mà họ là nòng cốt (CDU/CSU hoặc SPD). Đôi khi hiếm hoi (khi “tổ quốc lâm nguy”, khủng hoảng xã hội) các đảng đối lập cũng có thể liên minh với nhau (vd. thời kỳ 1966-1969 và chính phủ hiện nay của tân Thủ tướng A. Merkel).

- Lịch sử các đảng chính trị hiện đại ở Đức không phải là lịch sử đấu tranh giai cấp bằng bạo lực (vũ khí, lao tù, đổ máu ...) để lật đổ chế độ, mà thực chất chỉ là *lịch sử tranh cử và tranh quyền*. Trên tổng thể, *thời gian cầm quyền và khả năng cầm quyền lâu dài của một đảng chính trị Đức nghiêng về phía liên minh cánh hữu (CDU/CSU), bất lợi nghiêng về cánh tả (SPD, Đảng Xanh/LM-90) và càng bất lợi hơn đối với các đảng cực hữu (Đảng Phát xít mới) hay cực tả (đảng Cộng sản)*. Nguyên nhân một mặt nằm ở chính cơ sở hợp hiến của cương lĩnh chính trị của đảng và ở năng lực tổ chức xã hội và kinh tế của các “bộ óc” của đảng. Đảng nào tập hợp được nhiều chuyên gia giỏi về chính sách kinh tế, đảng đó sẽ đưa ra được cương lĩnh tối ưu và có thể thực thi được chính sách tốt nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Beyme, K. v. *Das politische System der Bundesrepublik Deutschland (Hệ thống*

chính trị của Cộng hoà Liên bang Đức). München. 1996.

2. Cơ quan báo chí và Thông tin Chính phủ CHLB Đức. *Nước Đức. Quá khứ và hiện tại*. Hà Nội, 2003.

3. Hofmann, R. *Geschichte der deutschen Parteien (Lịch sử các đảng ở Đức)*. München - Zurich, 1993.

4. Lương Văn Kế: *Năm 1998. Bước ngoặt chính trị thứ hai của lịch sử Đức đương đại*. Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 6, 1998.

5. Lương Văn Kế (chủ biên): *Phác thảo chân dung đời sống văn hoá Đức đương đại*. Hà Nội, 2004.

6. Lương Văn Kế: *Đảng cầm quyền ở Cộng hoà Liên bang Đức*. Chuyên đề, Đề tài nhánh: Các đảng cầm quyền ở một số nước tư bản chủ nghĩa, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, thuộc Chương trình KX10. Hà Nội, 2005.

7. Niclauss, K. *Das Parteien System der Bundesrepublik Deutschland (Hệ thống đảng chính trị của Cộng hoà Liên bang Đức)*. Pardeborn - München, 1995.

8. Pan Qichang, *Ou zhou guo ji guan xi (Quan hệ quốc tế ở châu Âu)*. Bei jing, 2000.

9. Sontheimer, K./ Bleek, W. *Grundzüge des politischen Systems der Bundesrepublik Deutschland (Cơ sở của hệ thống chính trị của CHLB Đức)*. München, 1999.